

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng

Mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lâm Dũ Quang

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1989 – Chủ hộ kinh doanh T2; Địa chỉ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mai C, sinh năm 1997; Địa chỉ liên hệ: ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt);

- ***Bị đơn:*** Bà Thạch Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Ông Trần Văn T1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2024 của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T cũng như quá trình giải quyết vụ án, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đỗ Thị Mai C trình bày: Năm 2021 bà Thạch Thị L và ông Trần Văn T1 cùng với hộ kinh doanh T2 có thỏa thuận mua bán thức ăn thủy sản với nhau: Hộ kinh doanh T2 bán thức ăn thủy sản cho ông T1 và bà L thì ông T1, bà L có trách nhiệm sau khi thu hoạch tôm lên phải

thanh toán toàn bộ công nợ phát sinh của vụ nuôi tôm cho hộ kinh doanh T2, vào ngày 07/7/2021 ông T1, bà L bắt đầu lấy hàng của hộ kinh doanh T2 để nuôi tôm. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong ông T1, bà L không thanh toán hết công nợ cho hộ kinh doanh T2. Ngày 15/3/2023 hai bên ngưng giao dịch, số tiền ông T1 và bà L còn nợ hộ kinh doanh T2 là 66.661.000 đồng và hai bên có ký xác nhận công nợ với nhau.

Nay nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L cùng liên đới thanh toán cho ông Trịnh Ngọc T số tiền còn nợ là 66.661.000 đồng (*sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Đối với tiền lãi chậm trả là 11.980.000 đồng nguyên đơn rút lại yêu cầu là không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L, nhưng ông T1 và bà L không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T1 và bà L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 và bà L vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho ông T1 và bà L biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông T1 và bà L cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T1 và bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T – Chủ hộ kinh doanh T2 với bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: vào ngày 07/7/2021 ông T1, bà L bắt đầu lấy hàng của hộ kinh doanh T2 để nuôi tôm, nhưng ông T1, bà L không thanh toán hết công nợ cho hộ kinh doanh T2, đến ngày 15/03/2023 hai bên ngưng giao dịch, số tiền ông T1 và bà L còn nợ hộ kinh doanh T2 là 66.661.000 đồng và hai bên có ký xác nhận công nợ với nhau vào ngày 15/03/2023, vì vậy nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị đơn cùng liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 66.661.000 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[4] Đối với nợ lãi: Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 26/5/2025 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có trình bày thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi 11.980.000 đồng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trịnh Ngọc T – Chủ hộ kinh doanh T2 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông T1 và bà L phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T – Chủ hộ kinh doanh T2 đối với các bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L.

Buộc các bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T – Chủ hộ kinh doanh T2 số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 66.661.000 đồng (sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trịnh Ngọc T – Chủ hộ kinh doanh T2 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông T1 và bà L phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Thạch Thị L phải liên đới cùng chịu án phí là 3.333.050 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn Trịnh Ngọc T – Chủ hộ kinh doanh T2 không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.966.025 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006292 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

